

### Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

#### 3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt<sup>1</sup>:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

| STT | Nội dung yêu cầu   | Tiêu chuẩn đánh giá   |  |
|-----|--|---|--|
|     |  | Đạt   | Không đạt  |
| 1   | Đặc tính, chủng loại, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ | Có tiêu chuẩn, đặc tính, thông số kỹ thuật, quy cách của hàng hóa cung cấp đáp ứng yêu cầu quy định tại mục 1.2 Chương V của E-HSMT.                            | Có nội dung không đáp ứng yêu cầu  |
| 2   | Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa mà nhà thầu cung cấp so với yêu cầu của E-HSMT                 | Có tài liệu kỹ thuật của hàng hóa cung cấp, thể hiện đầy đủ thông số kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu theo quy định tại mục 1.2 Chương V của E-HSMT                  | Không có tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa, dịch vụ liên quan mà nhà thầu cung cấp theo yêu cầu hoặc có nhưng không đáp ứng yêu cầu              |
| 3   | Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa  | Có thuyết minh giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa cụ thể, khả thi, phù hợp các yêu cầu của gói thầu  | Không có thuyết minh giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa hoặc có nhưng sơ sài, không cụ thể, khả thi, phù hợp các yêu cầu của gói thầu |
| 4   | Tiến độ cung cấp hàng hóa  | ≤ 10 ngày   | > 10 ngày  |
| 5   | Bảo trì, bảo hành và cung cấp dịch vụ sau bán hàng   | - Có thuyết minh kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì (bao gồm nhưng không giới hạn: các điều kiện/chính sách bảo hành, quy trình, thông tin liên hệ...) | - Không có thuyết minh kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì hoặc có nhưng sơ sài.<br>- Không đề xuất cụ thể hoặc có nhưng không                     |

<sup>1</sup> Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xoá bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

| STT | Nội dung yêu cầu  | Tiêu chuẩn đánh giá  |   |
|-----|---|--|---|
|     |   | Đạt  | Không đạt   |
|     |   | - Thời gian bảo hành: 05 năm hoặc 150.000 km bảo hành chính hãng (tùy thuộc điều kiện nào đến trước) kể từ ngày nghiệm thu và theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất. Địa điểm bảo hành: Tại địa điểm thực hiện dự án/dự toán mua sắm hoặc trạm bảo hành theo thống nhất của Chủ đầu tư và nhà thầu. | đáp ứng yêu cầu về thời gian, địa điểm bảo hành     |
| 6   | Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP | Nhà thầu cam kết từ 01/01/2022 đến thời điểm đóng thầu có < 02 Hợp đồng vi phạm về kết quả thực hiện hợp đồng, chất lượng hàng hóa tương tự theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP   | Không đáp ứng yêu cầu hoặc có vi phạm               |
| 7   | Yêu cầu khác  | Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu khác của E-HSMT   | Không đáp ứng một trong các yêu cầu khác của E-HSMT |
|     | <b>Kết luận</b>   |  |   |
|     | <b>Đạt</b>  | <b>Đạt tất cả các nội dung trên</b>  |   |
|     | <b>Không đạt</b>  |  | <b>Không đạt bất kỳ nội dung nào nêu trên</b>       |